

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Quang.

Bà Phạm Thị Thà (Ngà).

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 512/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/2024/TB-TA ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị H, sinh ngày 26/11/1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Đài Loan (Trung Quốc).

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Tô Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh ngày 26/6/1982.

Địa chỉ cư trú: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 23/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình nhà chồng, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì chị đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh chị vẫn liên lạc với nhau, đến năm 2016 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng và không cùng chí hướng. Năm 2017 chị về phép thăm gia đình nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, vợ chồng xảy ra đánh, cãi chửi nhau nên chị tiếp tục sang Đài Loan làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 22/01/2008 và Trần Tiến D1, sinh ngày 04/4/2010. Do chị vẫn đang lao động tại Đài Loan, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc các con, hiện các con đang ở với anh D ổn định nên chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (tròn 18 tuổi). Chị nhất trí có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo yêu cầu của anh D, tuy nhiên mức cấp dưỡng chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị H đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Tô Thị T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại các bản khai anh Trần Văn D trình bày: Anh và chị Tô Thị H có quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 - 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Năm 2012, anh đi lao động tại Đài Loan, năm 2013 chị H cũng sang Đài Loan nhưng không nói cho anh biết, khi chị H liên lạc thì anh mới biết. Thỉnh thoảng vợ chồng có gặp nhau nhưng chỉ được vài tháng thì anh phát hiện chị H không chung thủy với anh, anh nhiều lần khuyên bảo và nhờ gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng chị H không thay đổi. Năm 2014

anh về nước, vợ chồng chấm dứt liên lạc và sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng, anh là người trực tiếp chăm sóc các con từ năm 2014 cho đến nay, chị H không gửi tiền về cho anh để nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng, cả hai con là 4.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2015 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Tô Thị T trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị H biết. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh D, khi ly hôn chị H nhất trí giao cả hai con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể từ tháng 6/2015 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), mức cấp dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị H, anh D là cháu Trần Tiến Đ và Trần Tiến D1 đều có nguyện vọng được ở với anh D.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh D và các con đang sinh sống thể hiện: Căn cứ vào mức thu nhập bình quân của người lao động và tham khảo mức chi phí nuôi các cháu đang theo học tại địa phương xác định: Bình quân chi phí ăn uống, sinh hoạt hằng ngày và chi phí học tập của các cháu có độ tuổi học cấp 2, cấp 3 tại địa phương khoảng từ 2.500.000đ đến 3.000.000đ/tháng/1 cháu.

Tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn, nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con Trần Tiến Đ, Trần Tiến D1 và yêu cầu chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng, cả hai con là 4.000.000đ/tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Tuy nhiên, anh thay đổi thời gian yêu cầu cấp dưỡng kể từ tháng 01/2017 cho đến khi các con thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị H ly hôn anh Trần Văn D. Về con chung: Giao hai con chung Trần Tiến Đ và Trần Tiến D1 cho anh D trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2017 cho đến thời điểm xét xử tháng 01/2024 là: 3.000.000đ x 85 tháng = 255.000.000đ, chị H tiếp tục có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tô Thị H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang lao động, sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc). Bị đơn anh Trần Văn D có địa chỉ tại thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị H không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Tô Thị T thay chị giao, nộp tại Tòa án. Đơn của chị đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị H và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 23/3/2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2012 đến năm 2014 anh chị có thời gian cùng lao động ở

Đài Loan nhưng vợ chồng thỉnh thoảng mới gặp nhau, từ đó vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau nên không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Năm 2014 anh D về nước, vợ chồng chấm dứt không liên lạc và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn D. Anh D cũng xác định mâu thuẫn của vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tháo gỡ, tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh D có hai con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 22/01/2008 và Trần Tiến D1, sinh ngày 04/4/2010, hiện các con đang ở với anh D. Chị H và anh D cùng thống nhất giao các con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D yêu cầu chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng, cả hai con là 4.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2017 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị H nhất trí cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh D cho đến khi các con tròn 18 tuổi, tuy nhiên mức cấp dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Con chung Trần Tiến Đ và Trần Tiến D1 có nguyện vọng được ở với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao các con chung cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 69, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Cha mẹ, không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trên thực tế một mình anh D chăm sóc, nuôi dưỡng các con có khó khăn, nên anh yêu cầu cấp dưỡng cho con và chị H nhất trí có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn chính đáng nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Tuy nhiên theo biên bản xác minh tại địa phương thì chi phí bình quân để nuôi trẻ sinh sống và ăn học trên địa bàn xã khoảng 2.500.000đ đến 3.000.000đ/tháng/con. Do vậy cần buộc chị H phải trả anh D tiền cấp dưỡng cho con tính trung bình là 1.500.000đ/con chung/tháng, tính từ tháng 01/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm tháng 01/2024, cụ thể $1.500.000đ \times 02 \text{ con} \times 85 \text{ tháng} = 255.000.000đ$. Chị H tiếp

tục có trách nhiệm cấp dưỡng tiền mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Tô Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị H ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Trần Văn D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Tiến Đ, sinh ngày 22/01/2008 và Trần Tiến D1, sinh ngày 04/4/2010 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Tô Thị H có nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Trần Tiến Đ và Trần Tiến D1 cho anh Trần Văn D từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2024 là: 1.500.000 đồng x 02 con x 85 tháng = 255.000.000đ (Hai trăm lăm mươi năm triệu đồng).

Chị Tô Thị H tiếp tục cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng, cả hai con là 3.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị H không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Tô Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000287 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Tô Thị T nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Tô Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tô Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường